TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 16-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2022/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2022/QĐXX - ST ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị X, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị X nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị X và anh D có 03 người con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/4/2006; cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 07/9/2007 và cháu Nguyễn Văn D2 sinh ngày 14/01/2017. Nay ly hôn chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1, cháu D2 cho đến khi các cháu thành niên, giao cháu D cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu D thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị X cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao hộ khẩu gia đình và căn cước công dân; bản sao giấy khai sinh của cháu D, D1, D. Ngoài ra, chị X không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị X. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã và xô xát. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh D vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con cái, tuy nhiên nếu chị X cương quyết ly hôn thì anh D đồng ý.

Về con chung: Chị X và anh D có 03 người con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/4/2006; cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 07/9/2007 và cháu Nguyễn Văn D2sinh ngày 14/01/2017. Nếu ly hôn anh D đồng ý giao cháu D1, cháu D2 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và anh D sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu D thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị X và bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt và có văn bản xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2] Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

[3] Đối với việc giải quyết vắng mặt của nguyên đơn chị Đinh Thị X, bị đơn anh Nguyễn Văn D. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ

án, anh D và chị X đã xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 28/3/2005 của Ủy ban nhân dân xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã được chị X cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh D là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của chị X và anh D thì trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh D thừa nhận giữa vợ chồng cũng có xô xát với nhau. Chị X xác nhận hiện nay không còn tình cảm với anh D nên cương quyết muốn ly hôn; anh D mặc dù vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái nhưng nếu chị X cương quyết ly hôn thì anh D đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị X và anh D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị X. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị X.

[6] Về con chung: Chị X và anh D có 03 người con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/4/2006; cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 07/9/2007 và cháu Nguyễn Văn D2sinh ngày 14/01/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị X và anh D thống nhất giao cháu D1 và cháu D2 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên; giao cháu D cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị X và anh D.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị X về việc ly hôn. Chị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 07/9/2007 và cháu Nguyễn Văn D2sinh ngày 14/01/2017 cho chị Đinh Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D1 và cháu D2 đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/4/2006 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Duy đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000661 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào